

Features

- ◇ Various specifications to achieve conversion between different threads.
- ◇ Copper plated nickel material.



How to order

PJT - M5M - M8F

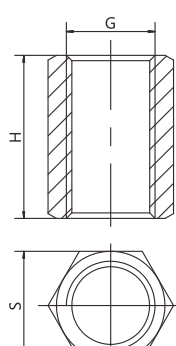
①

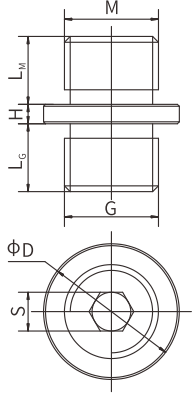
②

③

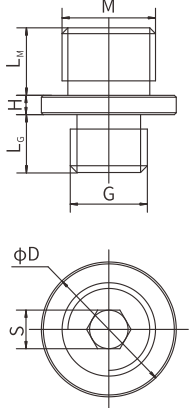
① Series	② Connection thread(1)	③ Connection thread(2)
PJT	M5F - M5 Female thread M5M - M5 Male thread M8F - M8 Female thread M8M - M8 Male thread G1F - G1/8 Female thread G1M - G1/8 Male thread G2F - G1/4 Female thread G2M - G1/4 Male thread G3F - G3/8 Female thread G3M - G3/8 Male thread	Nil - Same as connection thread(1) M5F - M5 Female thread M5M - M5 Male thread M8F - M8 Female thread M8M - M8 Male thread G1F - G1/8 Female thread G1M - G1/8 Male thread G2F - G1/4 Female thread G2M - G1/4 Male thread G3F - G3/8 Female thread G3M - G3/8 Male thread G4F - G1/2 Female thread G4M - G1/2 Male thread

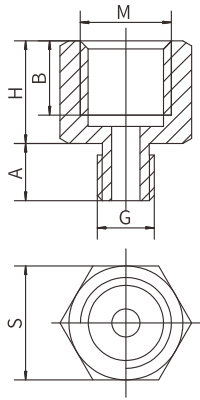
Dimensions(mm)

Adapter type	Diagram	Model	G	H	S
Equal-diameter female-female thread		PJT-M5F PJT-M8F PJT-G1F PJT-G2F PJT-G3F	M5 M8 G1/8 G1/4 G3/8	11 15 18 22 24	8 10 12 16 19

Adapter type	Diagram	Model	G	M	L _M	L _G	H	D	S
Equal-diameter male-male thread		PJT-M5M	M5	M5	5	5	1.5	8	2.5
		PJT-M8M	M8	M8	7	7	1.5	12	3
		PJT-G1M	G1/8	G1/8	7	7	1.5	14	4
		PJT-G2M	G1/4	G1/4	9	9	2	17	5
		PJT-G3M	G3/8	G3/8	10	10	2	21	5

◇ Note: PJT series adapters with male thread are equipped with seal ring.

Adapter type	Diagram	Model	G	M	L _M	L _G	H	D	S
Different diameter male-male thread		PJT-M5M-M8M	M5	M8	7	5	1.5	12	2.5
		PJT-M8M-G1M	M8	G1/8	7	7	1.5	14	4
		PJT-G1M-G2M	G1/8	G1/4	9	7	2	17	5
		PJT-G2M-G3M	G1/4	G3/8	10	9	2	21	5
		PJT-G3M-G4M	G3/8	G1/2	12	10	2	24	6

Adapter type	Diagram	Model	G	M	A	B	H	S
Different diameter female-male thread		PJT-M5M-M8F	M5	M8	5	7	9	10
		PJT-M8M-G1F	M8	G1/8	7	8	10	12
		PJT-G1M-G2F	G1/8	G1/4	7	10	13	16
		PJT-G2M-G3F	G1/4	G3/8	9	10	13	19
		PJT-G3M-G4F	G3/8	G1/2	10	12	15	24